TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 394/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Trần Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hòa Bình;

2. Bà Tống Thị Kim Điền.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Võ Ngọc Đức – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Số S Đường số B, A 2, Khu dân cư N, Tổ 4A, Khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Châu S, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số S Đường số B, A 2, Khu dân cư N, Tổ 4A, Khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/03/2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà và ông Trần Châu S qua thời gian tìm hiểu, cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1998, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết

hôn số 60, quyển số 01/98 đăng ký ngày 11/12/1998 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mẫu thuẫn là do ông S thường xuyên đi chơi, không quan tâm đến gia đình, dù bà và gia đình đã nhiều lần khuyên can, nhưng ông S vẫn vô trách nhiệm, không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Tình cảm dành cho nhau không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Châu S.

Về con chung: Bà và ông Trần Châu S có 03 con chung họ tên là Trần Hà T, sinh ngày 19/7/2000 (đã trưởng thành), Trần Nguyễn Hà V, sinh ngày 16/12/2010 và Trần Nguyễn Hà Th, sinh ngày 16/12/2010. Hiện con chung đang sống với bà và ông S. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Nguyễn Hà Th và Trần Nguyễn Hà V, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà H vẫn xác định lại các yêu cầu như trên và bổ sung nguyên nhân mâu thuẫn: Do ông S thường xuyên gây nợ nần, người cho vay nhiều lần đến nhà đòi nợ và ông S né tránh nên người đòi nợ la hét trước nhà làm ảnh hưởng đến tinh thần của bà và các con. Bà H tìm hiểu thì được biết ông S mượn tiền cá độ bóng đá. Đến cuối năm 2018, ông S lại vay số tiền lớn và người cho vay đến đòi tiền và bà phải tìm cách trả nợ. Bà cảm thấy quá mệt mỏi vì ông S là người không có trách nhiệm.

Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay ông Trần Châu S vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầyđủ quy định về thẩm quyền thụ lý; về xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; Về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

* Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông S có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông S thường xuyên đi chơi, thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con nên cả hai vợ chồng mâu thuẫn bất hòa. Bà H đã nhiều lần khuyên can nhưng ông S không thay đổi, từ từ tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm, chia sẽ, lẫn nhau. Mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu của bà H được ly hôn với ông S là có cơ sở để chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông S.

- Về con chung: Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Nguyễn Hà V, sinh ngày 16/12/2010 và Trần Nguyễn Hà Th, sinh ngày 16/12/2010. Bà H là người chăm sóc, đưa đón con đi học, có công việc ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung; Hai con chung Trần Nguyễn Thanh V và Trần Nguyễn Hà Th có nguyện vọng muốn sống với mẹ nên yêu cầu được nuôi con chung của bà H là có cơ sở. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung, bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Bà H xác nhận không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu khởi kiện ly hôn với bị đơn ông Trần Châu S và ông S đang cư trú tại Quận 7; Đây là tranh chấp về ly hôn là loại

tranh chấp được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật và thuộc trường hợp đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Trần Châu S đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên ông S phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Châu S tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 1998.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyển số 01/98 đăng ký ngày 11/12/1998 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có đủ cơ sở để xác định bà H và ông S là vợ chồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Về yêu cầu được ly hôn với ông Trần Châu S của bà Nguyễn Thị Thu H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Trần Châu S không nộp bản tự khai, không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia hòa giải, không có các biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng thể hiện sự thiếu quan tâm đến việc xây dựng quan hệ hôn nhân. Mặt khác, với những mâu thuẫn do bà H trình bày thì mục đích hôn nhân giữa bà H và ông S không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông S cũng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên việc bà H yêu cầu ly hôn với ông S là có căn cứ chấp nhận phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

- Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 234, quyển số 02/2000 đăng ký ngày 11/08/2000 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp;

Giấy khai sinh số 301, quyển số 02/2010 đăng ký ngày 23/12/2010 tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy khai sinh số 302, quyển số 02/2010 đăng ký ngày 23/12/2010 tại Uỷ ban nhân dân phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và lời khai của bà H đã có đủ cơ sở để kết luận: bà H và ông S có 03 (Ba) con chung là Trần Hà T, sinh ngày 19/7/2000 (Đã trưởng thành), Trần Nguyễn Hà V, sinh ngày 16/12/2010 và Trần Nguyễn Hà Th sinh ngày 16/12/2010.

Theo bản bản hỏi ý kiến cin từ đủ -7 tuổi trở lên, hai trẻ Trần Nguyễn Hà Th và Trần Nguyễn Hà V có nguyện vọng muốn sống với bà H.

Hội đồng xét xử xét thấy: hiện hai trẻ Trần Nguyễn Hà V và Trần Nguyễn Hà Th đang sống với bà H, ông S thường xuyên vắng mặt tại nhà và bà H là người trực tiếp chăm sóc, đưa đón hai con đi học và có công việc ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng hai con chung; Trẻ Trần Nguyễn Hà V và Trần Nguyễn Hà Th có nguyện vọng muốn sống với mẹ nên yêu cầu được nuôi con chung của bà H là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử giao trẻ Trần Nguyễn Hà V và Trần Nguyễn Hà Th cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà H không có yêu cầu ông S cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà H.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu H xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[4] Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Châu S có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông Trần Châu S.

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

2.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Châu S (Giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyển số 01/98 đăng ký ngày 11/12/21998 tại Ủy ban nhân dân phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

2.2. Về con chung: Có 03 con chung họ tên là Trần Hà T, sinh ngày 19/7/2000 (Đã trưởng thành), Trần Nguyễn Hà V, sinh ngày 16/12/2010 và Trần Nguyễn Hà Th sinh ngày 16/12/2010. Giao con chung Trần Nguyễn Hà V và Trần Nguyễn Hà Th cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thu H về việc không yêu cầu ông Trần Châu S cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Châu S có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Không có.

2.5. Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0026824 ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Án xử công khai và tuyên án vắng mặt bị đơn.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Trần Châu S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận7;
- Chi cục THA DS Quận 7;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Luyến).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Trần Cảnh